

**QUẢN TRỊ SỰ THAM GIA:
CÁC CÔNG CỤ CHO SỰ THAM GIA CỦA CÔNG DÂN
VÀ TRAO QUYỀN CHO CỘNG ĐỒNG**

PHƯƠNG PHÁP LUẬN



[HTTPS://CREATIVECOMMONS.ORG/LICENSES/BY/4.0/](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/)

ĐƠN VỊ BIÊN SOẠN

Trường Đại học Mykolas Romeris (Lithuania – Litva)

Đại học WSB (Akademia WSB), Ba Lan

Trường Đại học truyền thông Stuttgart (Hochschule der Medien), Đức

PHỐI HỢP THỰC HIỆN VỚI:

Đại học Đà Nẵng (Việt Nam)

Công ty LAMA (LAMA Società Cooperativa – Impresa Sociale), Ý

Cơ quan Phát triển Rijeka Porin (Croatia)



**Co-funded by
the European Union**

Co-funded by the European Union. Views and opinions expressed are however those of the author(s) only and do not necessarily reflect those of the European Union or Fundacja Rozwoju Systemu Edukacji. Neither the European Union nor the granting authority can be held responsible for them.

Mykolas Romeris University, Lithuania

WSB University, Poland

Hochschule der Medien, Germany

The University of Danang, Vietnam

LAMA Cooperative Society – Social Enterprise, Italy

Rijeka Development Agency Porin, Croatia



**Mykolas Romeris
universitetas**

Akademia WSB
WSB University



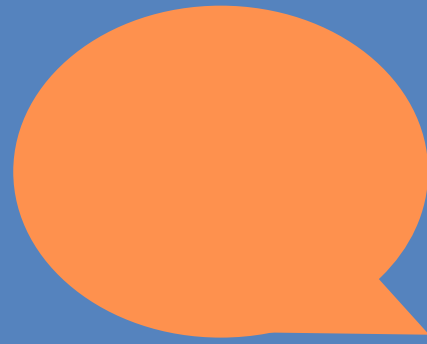
TABLE OF CONTENTS

Glossary	4-12
Introduction	13
General overview of the curriculum	14-33
1. Curriculum rationale	15
2. Course goals and objectives	17
3. Learning outcomes	18
4. Instructional time	21
5. The structure of the course unit	23
6. Lecturer's role	24
7. Assessment strategy	29
References	34-35

BẢNG THUẬT NGỮ

THÁI ĐỘ

- » Những khuynh hướng được học để phản ứng một cách tích cực hoặc tiêu cực đối với một người, vật, ý tưởng hoặc tình huống. Chúng phản ánh cảm xúc, niềm tin, giá trị và tư duy của một cá nhân, ảnh hưởng đến hành vi và lựa chọn của họ.



TƯ VẤN

- » Trong quá trình học tập, tư vấn là thời gian sinh viên nhận được sự hướng dẫn, tư vấn hoặc hỗ trợ từ giảng viên hoặc người hướng dẫn/trợ giảng. Trong quá trình tư vấn, sinh viên có thể đặt câu hỏi, tìm kiếm sự giải thích về những chủ đề khó hiểu, nhận phản hồi về bài tập và thảo luận về các chiến lược để cải thiện sự hiểu biết hoặc kết quả học tập.

Nguyên cứu trường hợp

- » Là một phân tích chi tiết, chuyên sâu về một cá nhân, nhóm, sự kiện hoặc tình huống cụ thể để khám phá và hiểu rõ tính phức tạp, nguyên nhân và kết quả của nó trong bối cảnh thực tế. Nghiên cứu trường hợp thường bao gồm việc xem xét một dự án, công ty hoặc tình huống cụ thể để xác định các phương pháp hay nhất, thách thức, bài học kinh nghiệm và kết quả có thể đo lường được. Nghiên cứu trường hợp thường bao gồm dữ liệu định tính và định lượng, mô tả về môi trường, bối cảnh và các hành động đã thực hiện.

KHOÁ HỌC

» Là một đơn vị giảng dạy có cấu trúc về một chủ đề cụ thể, thường kéo dài một học kỳ. Nó thường được dẫn dắt bởi một hoặc nhiều giảng viên và bao gồm một lịch trình cố định các bài học hoặc lớp học. Một khóa học bao gồm tất cả các hoạt động học tập—chẳng hạn như bài giảng, bài tập và bài kiểm tra—được thiết kế để cung cấp cho sinh viên về một chủ đề hoặc kỹ năng cụ thể. Một khóa học hoàn thành thường sẽ được tính tín chỉ học tập và điểm số. Các khóa học có thể là bắt buộc hoặc tự chọn và là một phần của chương trình học thuật hoặc bằng cấp rộng hơn. Về cơ bản, một khóa học là một trải nghiệm giáo dục có tổ chức, trong đó sinh viên tham gia để có được kiến thức hoặc kỹ năng trong một lĩnh vực cụ thể.

HƯỚNG DẪN

» Một chỉ dẫn cho chính quyền địa phương/ khu vực về cách thức làm việc với người dân để đáp ứng nhu cầu của họ và các tổ chức công muốn thu hút người dân tham gia vào quá trình thay đổi đô thị nhưng thường gặp khó khăn trong việc tìm cách thực hiện cũng như thuyết phục người dân rằng tiếng nói của họ có giá trị. Hướng dẫn dành cho chính quyền địa phương và khu vực sẽ được áp dụng rộng rãi, cho phép tất cả các khu vực sử dụng để tăng cường giao tiếp với người dân.

KIẾN THỨC

» Tập hợp thông tin, dữ kiện, kỹ năng và hiểu biết có được thông qua kinh nghiệm, giáo dục hoặc học tập. Nó thể hiện nhận thức hoặc sự quen thuộc mà một người đạt được về một chủ đề cụ thể hoặc thể giới nói chung. Kiến thức cho phép cá nhân diễn giải thông tin, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và áp dụng những gì họ đã học vào các bối cảnh khác nhau.

KẾT QUẢ HỌC TẬP



Diễn đạt kiến thức, kỹ năng, thái độ hoặc năng lực mà người học cần thể hiện thông qua việc giảng dạy, thường được định nghĩa theo các thuật ngữ hành vi cho mục đích đánh giá. Chúng định hướng việc phát triển chương trình giảng dạy, việc giảng dạy và đánh giá bằng cách đặt ra những kỳ vọng rõ ràng về thành tích của người học.

BÀI GIẢNG



Một hình thức giảng dạy hoặc thuyết trình giáo dục, trong đó diễn giả, thường là giảng viên đại học hoặc giảng viên thỉnh giảng, chia sẻ kiến thức và thông tin về một chủ đề hoặc môn học cụ thể.

GIẢNG VIÊN



Người trình bày các chủ đề khác nhau trong khóa học, chuẩn bị và trình bày bài giảng, điều phối các cuộc thảo luận và đưa ra các bài tập tự kiểm tra.

PHƯƠNG PHÁP



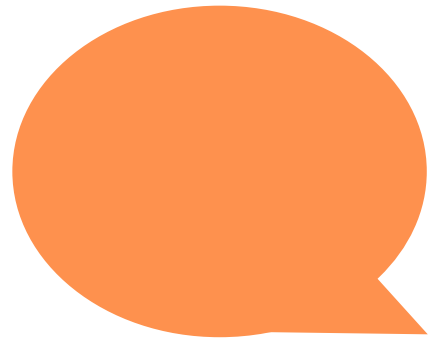
Cung cấp cho giảng viên đại học những khía cạnh chính để triển khai khóa học, bao gồm mục tiêu và mục đích, nội dung khóa học, chiến lược đánh giá và tài nguyên



PHƯƠNG PHÁP



Đề cập đến các quy trình, kỹ thuật hoặc quy trình có hệ thống được sử dụng để lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và hoàn thành các nhiệm vụ/dự án một cách hiệu quả.



QUẢN LÝ THAM GIA



Đề cập đến quy trình và thực hành tích cực thu hút các bên liên quan hoặc nhân viên vào các hoạt động ra quyết định, lập kế hoạch, thực hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến dự án hoặc mục tiêu của tổ chức. Nó nhấn mạnh việc chia sẻ quyền kiểm soát và trách nhiệm với những người bị ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến kết quả, thúc đẩy sự hợp tác, quyền làm chủ và cam kết (<https://www.pm4dev.com/pm4dev-blog/entry/project-participation.html>)



THỬ NGHIỆM



Các hoạt động sẽ giới thiệu và quảng bá nghiên cứu điển hình, từ đó các chính quyền địa phương và khu vực, nhà giáo dục và giảng viên đại học khác có thể tìm hiểu về những điểm cần cải thiện và cách thức làm việc với người dân và chính quyền.

Trình bày

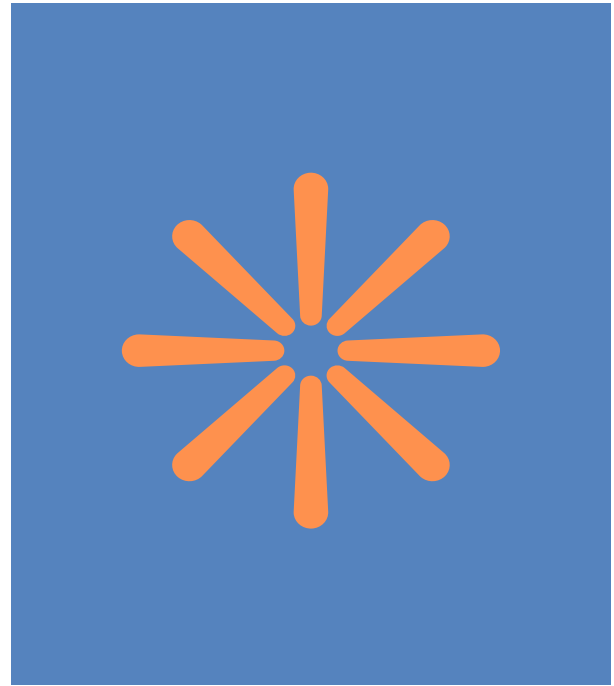
» Bài thuyết trình có thể ở dạng tự do hoặc có cấu trúc, nêu bật các khía cạnh chính của báo cáo hoặc tóm tắt dự án đã triển khai. Bài thuyết trình cũng bao gồm một tài liệu viết do sinh viên tham gia khóa học chuẩn bị. Bài thuyết trình cung cấp tổng quan và giải thích, giải quyết các câu hỏi như:

- » Dự án của bạn hướng đến giải quyết vấn đề gì và tại sao nó lại phù hợp hoặc hữu ích?
- » Bạn đã xác định nguyên nhân và hậu quả của nó như thế nào?
- » Điều gì đã truyền cảm hứng cho dự án của bạn?
- » Dự án sẽ giải quyết vấn đề như thế nào?
- » Bạn sẽ thực hiện những bước nào và hành động nào sẽ là kết quả của nó?
- » Bạn đã phác thảo điều gì trong nguyên mẫu, mô tả giải pháp, ý tưởng hoặc kết quả khác của dự án?
- » Bạn liên hệ những khái niệm và lý thuyết nào - cả từ khóa học này và từ các môn học khác đã học trong học kỳ này - với dự án?
- » Bạn đã thử những phương pháp nào trên lớp và bạn đã áp dụng chúng vào dự án như thế nào?

Phần tóm tắt không giới hạn số từ. Hãy sử dụng định dạng APA cho trích dẫn và bao gồm danh sách tài liệu tham khảo trong tài liệu.

Dự Án

- » Là một nỗ lực tạm thời được thực hiện để tạo ra một sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả độc đáo. Dự án có điểm khởi đầu và kết thúc được xác định, các mục tiêu cụ thể và thường bao gồm các hoạt động và nguồn lực được phối hợp để đạt được mục tiêu. Dự án khác với các hoạt động đang diễn ra ở chỗ chúng mang tính tạm thời và có những kết quả độc đáo (Hướng dẫn PMBOK | Viện Quản lý Dự án).



KỸ NĂNG

- » Khả năng và năng lực cho phép một người thực hiện các nhiệm vụ hoặc hoạt động một cách hiệu quả và năng suất. Chúng thường được phát triển thông qua thực hành, đào tạo và kinh nghiệm, bao gồm việc áp dụng kiến thức, kỹ thuật và khả năng thể chất hoặc tinh thần để đạt được những kết quả cụ thể



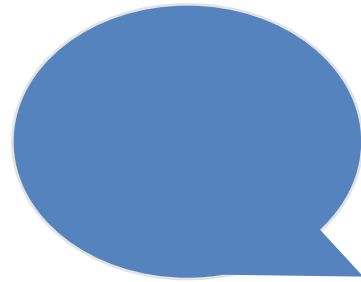
KHẢO SÁT/HỎI ĐÁP

- » Sau các hoạt động thí điểm, một cuộc khảo sát sẽ được tiến hành với các sinh viên, người dân, chính quyền địa phương và các bên liên quan.

SINH VIÊN



Người đã chọn học khóa học này



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



Một tài liệu học thuật hướng dẫn sinh viên hiểu rõ những gì sẽ được dạy, những gì được kỳ vọng ở họ và cách thức đánh giá sự tiến bộ của họ trong suốt khóa học. Tài liệu này kết nối kết quả học tập của khóa học với nội dung và các hoạt động giảng dạy, giúp sinh viên tổ chức việc học và cập nhật thông tin về cấu trúc khóa học.

CÔNG CỤ



Tài liệu học tập và giảng dạy phổ quát, có thể được sử dụng bởi cả giảng viên và sinh viên, chính quyền địa phương, nhà giáo dục, tổ chức phi chính phủ và bất kỳ ai muốn thu hút người dân tham gia vào quá trình phát triển đô thị.

GIẢNG VIÊN/NGƯỜI HƯỚNG DẪN



Người chịu trách nhiệm về khóa học, hướng dẫn sinh viên, tạo và chấm bài tập, đồng thời cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ cho sinh viên, tư vấn cho họ về việc tiếp thu các kỹ năng thực hành và các vấn đề tổ chức

WORKSHOP



Một buổi học hoặc buổi họp có cấu trúc, tương tác, nơi sinh viên cùng nhau thảo luận, học tập, hợp tác hoặc giải quyết vấn đề về một chủ đề cụ thể. Không giống như các bài giảng, workshop tập trung vào sự tham gia tích cực, các hoạt động thực hành, giải quyết vấn đề và tạo ra một kết quả cụ thể, thường được hướng dẫn bởi một người điều phối. Workshop có thể bao gồm bất kỳ chủ đề nào và được thiết kế để thu hút người tham gia vào việc học tập, trao đổi ý tưởng và áp dụng các kỹ năng vào thực tế (Định nghĩa & Nghĩa | Dictionary.com)

GIỚI THIỆU

Giao tiếp giữa chính quyền địa phương và người dân nên diễn ra trên nhiều lĩnh vực, bao gồm môi trường, tính toàn diện, kinh tế, giáo dục, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và hỗ trợ xã hội. Phát triển đô thị bền vững dựa trên giao tiếp hiệu quả và các giá trị chung giữa hai bên. Sự tham gia tích cực của người dân là điều cần thiết để xây dựng các thành phố toàn diện và bền vững. Người dân phải cảm thấy ý kiến của họ được coi trọng; do đó, chính quyền địa phương không chỉ nên tham khảo ý kiến của họ về các quyết định mà còn phải đặt câu hỏi về những gì cần thay đổi, cải thiện và quan trọng nhất là làm thế nào để đạt được điều đó. Bởi vì người dân trải nghiệm thành phố trong cuộc sống hằng ngày, họ là những người có vị thế tốt nhất để xác định những gì cần được cải thiện để làm cho thành phố cởi mở, toàn diện và thân thiện với môi trường hơn.

Việc cung cấp một phương pháp luận phổ quát, các công cụ thực tiễn và hướng dẫn chính sách cho việc giao tiếp hiệu quả giữa người dân và chính quyền địa phương hoặc khu vực là kết quả chính của dự án HEIsCITI (KA220-HED-96E-B51E1). HEIsCITI là viết tắt của “Các cơ sở giáo dục đại học như những động lực sáng tạo cho sự phát triển bền vững tại các thành phố châu Âu trong kỷ nguyên hậu Covid-19”. Dự án nhằm mục đích tác động đến chính sách và thực tiễn đô thị bằng cách cải thiện chất lượng hợp tác giữa các nhà hoạch định chính sách và người dân. Để đạt được mục tiêu này, dự án tập trung vào việc xây dựng chương trình giảng dạy phổ quát, được thiết kế để dạy sinh viên cách khởi xướng, tạo điều kiện và phối hợp giao tiếp hiệu quả giữa người dân và chính quyền địa phương.

PHƯƠNG PHÁP (Chương trình giảng dạy)

Kết quả được trình bày trong tài liệu này. Phương pháp này mang tính phổ quát và tập trung vào các kỹ năng mềm, có thể áp dụng cho tất cả các trường đại học, bất kể chuyên ngành. Các cơ sở giáo dục đại học (HEI) cần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu được tầm quan trọng của công dân có trách nhiệm và phát triển đô thị bền vững, toàn diện, cũng như thúc đẩy và tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan. Phương pháp này đáp ứng những yêu cầu mới và phức tạp của thực tế hiện nay bằng cách phát triển các kỹ năng và xây dựng năng lực phù hợp với nhu cầu của cả địa phương và toàn cầu.

Quá trình xây dựng chương trình giảng dạy bao gồm một số giai đoạn: (1) khái

niệm hóa thiết kế chương trình giảng dạy, (2) phát triển khung chương trình giảng dạy, (3) tạo ra các công cụ như tài liệu học tập và giảng dạy, (4) thử nghiệm và đánh giá chương trình giảng dạy, và (5) chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình giảng dạy. Chương trình giảng dạy và các công cụ đã được thử nghiệm tại ba khu vực châu Âu.

Cieszyn (một thành phố nằm trên biên giới giữa Ba Lan và Cộng hòa Séc),

Quận Joniškis (một quận của Lithuania nằm trên biên giới Lithuania-Latvia với cộng đồng thiểu số người Latvia)

Vùng Stuttgart (một trong những ví dụ điển hình nhất ở châu Âu về các hoạt động hội nhập với người di cư và người tị nạn).

Phương pháp này đã được phát triển và chứng minh là giúp sinh viên chuẩn bị cho hoạt động tham gia cộng đồng..

TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng phương pháp luận này dựa trên nguồn tài liệu có tiêu đề “Công cụ Đào tạo Phát triển Chương trình Giáo dục: Bộ Tài liệu” (2018), do Văn phòng Giáo dục Quốc tế (IBE) thuộc UNESCO xuất bản. Tài liệu này nhằm hỗ trợ các chuyên gia và chuyên viên tham gia vào việc thay đổi, phát triển, giám sát và đánh giá chương trình giáo dục. Bộ Tài liệu góp phần xây dựng năng lực trong việc thiết kế, quản lý và triển khai các quy trình chương trình giáo dục hướng đến chất lượng và chương trình giáo dục hòa nhập. Tài liệu này hướng đến các nhà hoạch định chính sách giáo dục, nhà giáo dục, chuyên gia, nhà phát triển chương trình giáo dục, người đánh giá, giảng viên, giám sát viên, hiệu trưởng nhà trường và giảng viên làm việc về chương trình giáo dục, học tập, đánh giá và các vấn đề liên quan (trang 11).

Bộ Tài nguyên bao gồm tám mô-đun để cập đến các quy trình và giai đoạn cơ bản cần được xem xét một cách toàn diện để đạt được một chương trình giảng dạy chất lượng cho tất cả mọi người. Các mô-đun độc lập này đại diện cho các khía cạnh của “vòng đời” chương trình giảng dạy: (1) Đối thoại và xây dựng chính sách; (2) Thay đổi chương trình giảng dạy; (3) Thiết kế chương trình giảng dạy; (4) Quản lý và quản trị hệ thống; (5) Phát triển sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy và học tập khác; (6) Phát triển năng lực triển khai chương trình giảng dạy; (7) Quy trình triển khai chương trình giảng dạy; và (8) Đánh giá sinh viên và thẩm định chương trình giảng dạy.

Đặc biệt, Mô-đun 3 – “Thiết kế Chương trình giảng dạy” – đã truyền cảm hứng cho cấu trúc của Phương pháp luận. Do đó, chương trình giảng dạy bao gồm các thành phần sau:

- » Cơ sở lý luận – Tại sao sinh viên học những gì các em đang học?
- » Mục tiêu và mục đích – Mục tiêu, mục đích và kết quả học tập mong muốn là gì?
- » Nội dung khóa học – Sinh viên đang học gì (ví dụ: năng lực, kiến thức, kỹ năng)?
- » Thời gian giảng dạy – Khi nào các em học?
- » Vai trò của giảng viên – Giảng viên đang hướng dẫn và tạo điều kiện cho quá trình học tập như thế nào?
- » Đánh giá – Việc học được đo lường và đánh giá như thế nào?

Các công cụ

Bao gồm tài liệu học tập và giảng dạy (Sinh viên đang sử dụng gì để học?) và các hoạt động học tập (Sinh viên đang học như thế nào?) – được mô tả trong tài liệu có tiêu đề “Các công cụ tham gia tích cực: Sổ tay dành cho những người điều phối hoạt động tham gia cộng đồng”.

1. Cơ sở lý luận của chương

Thuật ngữ “sự tham gia của công dân” đề cập đến các hoạt động hợp tác với và thông qua các nhóm người dân để giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến phúc lợi xã hội của họ (Woronkiewicz, 2018). Sự tham gia của công dân vào quá trình phát triển đô thị là rất quan trọng để thúc đẩy phát triển đô thị toàn diện và bền vững. Người dân cần hiểu rằng quan điểm của họ rất quan trọng đối với chính quyền địa phương. Do đó, chính quyền không chỉ nên tham khảo ý kiến người dân về các quyết định mà còn phải hỏi họ những gì cần thay đổi, cải thiện, và quan trọng nhất là cách thức thực hiện những thay đổi này. Vì người dân trải nghiệm thành phố hàng ngày, họ có vị thế đặc biệt để xác định những cải tiến giúp thành phố cởi mở hơn, toàn diện hơn và thân thiện với môi trường hơn.

Bên cạnh việc thúc đẩy các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dân, sự tham gia của người dân được coi là một yếu tố tối đa hóa hiệu quả của chính sách công (Bensus, 2021; Lappas và cộng sự, 2022). Sự tham gia bền vững của nhiều bên tham gia khác nhau vào quá trình ra quyết định do cộng đồng lãnh đạo phù hợp với các quy trình tham gia tuân thủ các tiêu chuẩn dân chủ (Yet và cộng sự, 2022). Mục đích chung của sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị là nâng cao chất lượng và tính chính đáng của các quyết định chính sách, đồng thời chuyển từ cách tiếp cận tập trung vào dịch vụ sang cách tiếp cận lấy người dân làm trung tâm (Ianniello và cộng sự, 2019).

Tuy nhiên, việc tạo ra các quy trình tham gia công bằng của công dân - tức là thiết lập đối thoại giữa các bên liên quan không đồng nhất - không phải lúc nào cũng dễ dàng. Việc quản lý các quy trình tham gia thường làm tăng khối lượng công việc của các quan chức và kéo theo chi phí đáng kể (Buckwalter, 2014). Ngoài ra, các quan chức có thể không tin tưởng vào kỹ

năng, trí tuệ và kinh nghiệm của người dân bình thường. Như Arnstein (1969) lưu ý, “trong hầu hết các trường hợp, những người không có gì thực sự coi những người có quyền lực là một ‘hệ thống’ thống nhất, và những người nắm giữ quyền lực thực sự coi những người không có gì là một biển ‘những người đó’” (trang 217).

Sự tham gia của công dân thường tập trung vào nhu cầu và mục tiêu của bên khởi xướng sự tham gia hơn là bản thân người dân. Do đó, việc khuyến khích sự tham gia thông qua “quan hệ đối tác” lâu dài với các nhóm cộng đồng địa phương là một thách thức. Những quan hệ đối tác như vậy vẫn khó đạt được trừ khi các đối tác có thể diễn đạt, tranh luận và giải quyết những bất đồng của họ (Ianniello và cộng sự, 2019).

Các trường đại học có thể đóng vai trò là cầu nối giữa nhu cầu của người dân và mục tiêu của chính quyền địa phương, đóng vai trò là chất xúc tác cho sự đổi mới bằng cách kết nối kỳ vọng của cả hai bên thông qua các giá trị chung. Bằng cách tham gia vào các dự án giải quyết các thách thức địa phương và khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa, các trường đại học có thể đóng vai trò độc đáo trong việc phát triển các giải pháp cho các vấn đề hiện tại, đồng thời chuẩn bị cho thế hệ tương lai góp phần tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng.

Các cơ sở giáo dục đại học thúc đẩy trách nhiệm xã hội và công dân của sinh viên thông

qua hoạt động tham gia cộng đồng sẽ đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước (Maistry & Thakrar, 2012, tr. 65). Đồng thời, cả sinh viên và giảng viên đều được hưởng lợi từ việc áp dụng kiến thức và kỹ năng của mình vào các vấn đề thực tế, điều này đã được chứng minh là có tác động tích cực đến kết quả học tập, hoạt động cộng đồng, năng lực tự chủ, lòng tự trọng và năng lực lãnh đạo (Hahn và cộng sự, 2020). Sinh viên cần được giáo dục và chuẩn bị để tham gia vào cộng đồng. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ giới hạn ở các trường đại học mà còn liên quan đến cộng đồng địa phương. Thông qua sự tham gia này, người dân địa phương có thể diễn đạt: kiến thức về các vấn đề cộng đồng hiện hữu, nơi chúng xảy ra, thời điểm chúng xuất hiện và cách thức giải quyết chúng, dựa trên kinh nghiệm sống của họ. Những khía cạnh kiến thức này liên quan đến mục tiêu của trường đại học là thúc đẩy phát triển bền vững bằng cách giải quyết các vấn đề liên quan đến cộng đồng (Mbah, 2019).

Khóa học "Quản lý Sự tham gia: Công cụ cho Sự tham gia của Công dân và Trao quyền cho Cộng đồng", được phát triển như một phần của dự án HEIsCITI, sẽ trang bị cho sinh viên từ nhiều chuyên ngành khác nhau các kỹ năng để tạo điều kiện giao tiếp giữa người dân và chính quyền địa phương. Khóa học nhấn mạnh vào sự tham gia của công dân toàn diện, tập trung vào phát triển bền vững và các giải pháp thân thiện với môi trường..

Khóa học được thiết kế để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết nối mọi người để tìm hiểu về cộng đồng của họ, các phương pháp giảng dạy cho phép tham gia giải quyết vấn đề và các hành động thúc đẩy thay đổi tích cực. Để nâng cao chất lượng tranh luận dân chủ về các vấn đề phát triển bền vững đô thị, khóa học nhấn mạnh việc đo lường và giám sát, tích hợp các chỉ số vào một khuôn khổ toàn diện và thúc đẩy sự hợp tác giữa người dân và những người ra quyết định.

Tham gia khóa học này, sinh viên sẽ nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tham gia cộng đồng và phát triển ý thức trách nhiệm với tư cách là công dân. Họ cũng sẽ có được kiến thức và kỹ năng để thúc đẩy giao tiếp và hợp tác giữa người dân và chính quyền địa phương trong bối cảnh phát triển đô thị bền vững.

2. Mục tiêu của khóa học

Mục tiêu của khóa học là dạy sinh viên cách tạo điều kiện và phối hợp giao tiếp giữa người dân và chính quyền địa phương nhằm thúc đẩy phát triển đô thị toàn diện và bền vững trong thời kỳ hậu Covid-19

Mục tiêu chính của khóa học là duy trì sự tham gia tích cực của sinh viên vào phát triển cộng đồng bằng cách xây dựng quan hệ đối tác giữa các bên liên quan trong quá trình gắn kết cộng đồng. Điều này, đến lượt nó, sẽ ảnh hưởng đến chính sách và thực tiễn đô thị, hướng tới một hệ thống nhấn mạnh việc cùng nhau ra quyết định thông qua việc cải thiện thông tin, truyền thông và đối thoại.



Mục tiêu của khóa học như sau:

Định nghĩa khái niệm gắn kết cộng đồng

Cung cấp các công cụ đa dạng để cho phép sự tham gia có trách nhiệm trong bối cảnh địa phương

Hướng dẫn sinh viên trong quá trình thiết kế và triển khai các dự án hoặc kế hoạch đáp ứng các nhu cầu cụ thể của cộng đồng.

3. Kết quả học tập [cách tiếp cận dựa trên năng lực]

Kết quả học tập cho thấy sinh viên sẽ tiếp thu kiến thức cũng như phát triển một loạt các kỹ năng, bao gồm kỹ năng nghiên cứu, chuyên môn, xã hội và cá nhân (xem Bảng 1)

Bảng 1 Kết quả học tập

KNOWLEDGE	SKILLS			
	research	special	social	personal
Keywords: Citizen engagement	Keywords: Design-thinking Action research Case study	Keywords: Communication for citizen engagement	Keywords: Group cooperation; Collaborative conflict resolution; Problem solving	Keywords: Creativity, critical thinking, personal responsibility, individual duty
The student knows the main principles, forms, and issues of the participatory approach, and understands how to implement it.	The student can identify and formulate research problems, initiate and independently conduct media and communication research, apply scientific methods creatively, collect empirical data, and effectively manage time, human, and financial resources.	The student can analyze an organization's information environment, manage internal and external communication, build relations with audiences based on mutual understanding and cooperation, and prepare and implement communication strategies and public information programs.	The student knows the ethical principles of interpersonal, group, and public communication, can resolve problem situations, and assumes civic and social responsibility for the outcomes of their own and their team's activities, including his/her impact on public welfare and the environment.	The student can think analytically, strategically, and creatively, initiate and organize projects, and take responsibility for his/her actions.

Do đó, sinh viên tham gia khóa học sẽ không chỉ thu thập được kiến thức lý thuyết về sự tham gia của công dân và các công cụ được sử dụng để khuyến khích sự tham gia, mà còn học cách hành động như những người tham gia tích cực. Họ sẽ phát triển hơn nữa các kỹ năng nghiên cứu, xã hội và cá nhân.

Các kỹ năng chuyên môn phần lớn phù hợp với chương trình học. Các năng lực liên quan đến môn học phải phù hợp với các tiêu chuẩn nội dung chương trình giảng dạy của trường, thường quy định các mức độ chất lượng hoặc thành tích. Các tiêu chuẩn nội dung quốc gia thường được xây dựng với sự đóng góp ý kiến từ các hiệp hội chuyên môn chuyên về các môn học cụ thể.



Điều này nhằm nhấn mạnh rằng sinh viên từ mọi chuyên ngành sẽ học được:

- » Cách hiểu nhu cầu của người dân
- » Cách đáp ứng các mục tiêu của chính quyền địa phương trong việc tạo ra các giải pháp bền vững và toàn diện cho phát triển đô thị
- » Cách hiểu bối cảnh xã hội của các khu vực bị bỏ hoang
- » Cách trở thành một bên tham gia tích cực vào quá trình phát triển của thành phố
- » Cách khuyến khích người dân tích cực
- » Những công cụ nào có thể được sử dụng để khuyến khích người dân tham gia vào quá trình phát triển của thành phố
- » Làm thế nào để ứng phó với những thách thức của một môi trường hỗn loạn
- » Lợi ích của làm việc nhóm và vai trò của cách tiếp cận sáng tạo đối với “những vấn đề nan giải”.

Chương trình giảng dạy theo năng lực nhấn mạnh việc tích hợp các lĩnh vực học tập bằng cách khám phá các chủ đề xuyên suốt và kết nối chúng với những thách thức thực tế. Người học đạt được các mức năng lực tối thiểu cụ thể ở từng giai đoạn giáo dục thông qua các trải nghiệm học tập có mục tiêu. Năng lực được đánh giá bằng cách đánh giá chất lượng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của môn học (xem thêm tiểu mục “Chiến lược Đánh giá” trong tài liệu này và tài liệu có tiêu đề Công cụ Tham gia Chủ động: Sổ tay dành cho Người hướng dẫn Tham gia Cộng đồng).

Trong phương pháp tiếp cận truyền đạt kiến thức cổ điển, sinh viên đóng vai trò chủ yếu thụ động, tiếp nhận thông tin và tích hợp thông tin đó vào kiến thức hiện có. Trong mô hình học tập cá nhân dựa trên năng lực, sinh viên trở thành người tham gia chủ động vào việc tiếp thu và xử lý thông tin và kiến thức (Bratianu và cộng sự, 2020).

Khóa học được thúc đẩy chủ yếu bởi một nỗ lực tham gia, dựa trên những ý tưởng hợp nhất từ tất cả các bên theo những cách thức và phương pháp được thiết kế để giải quyết một loạt các vấn đề. Lợi ích của một khuôn khổ tham gia như vậy được nhấn mạnh bởi lý thuyết hành động giao tiếp của Habermas (1987), lý thuyết này đã khuếch đại nhu cầu giao tiếp để thu hút tất cả những người quan tâm, được nuôi dưỡng bởi

một bầu không khí không bị chi phối bởi ảnh hưởng tập trung.

Khóa học có thể được mô tả là một trải nghiệm giảng dạy và học tập liên ngành dựa trên phương pháp sư phạm hợp tác, xây dựng trên kiến thức của sinh viên như một cách để phát triển những công dân giàu lòng trắc ẩn, gắn kết xã hội, có tư duy phản biện và có trách nhiệm. Khóa học mang đến cho sinh viên một trải nghiệm liên ngành, cho phép họ tham gia vào các vấn đề xã hội từ nhiều góc độ khác nhau. Thông qua việc đồng sáng tạo, chia sẻ và tiếp thu kiến thức, khuôn khổ tương tác hợp tác có thể mang lại lợi ích trong việc thúc đẩy, nuôi dưỡng và hiện thực hóa lợi ích của các đối tác địa phương và cộng đồng (Mbah, 2019).

Sinh viên đóng vai trò là người thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng. Họ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp giữa người dân và cán bộ. Họ giám sát chất lượng không gian công cộng/vấn đề, thu thập khiếu nại và yêu cầu từ người dân, và gỡ bỏ các lãnh đạo cộng đồng. Họ cũng thực hiện khảo sát để tìm hiểu thêm ý kiến của người dân về những thay đổi có thể xảy ra trước (và sau) khi triển khai các biện pháp can thiệp. Do đó, các nhà quy hoạch thực hành đang phải đối mặt với thách thức tìm cách lồng ghép tiếng nói của thanh niên một cách chân thực vào các khuôn khổ ra quyết định hiệu quả và phi hình thức (Botchwey và cộng sự, 2019). Bằng cách thu hút sinh viên tham gia vào các dự án hợp tác với chính quyền thành phố, khóa học có thể tận dụng kiến thức và kỹ năng của họ để thúc đẩy những thay đổi và đổi mới có ý nghĩa.

4. Thời gian giảng dạy

Khối lượng học phần (module) là 2 tín chỉ ECTS. Khối lượng công việc ước tính của sinh viên là 27 giờ cho mỗi 1 tín chỉ ECTS, do đó, khối lượng công việc của khóa học là 54 giờ. Tuy nhiên, khối lượng sinh viên ước tính có thể khác nhau ở các trường khác nhau.

Các trường khác nhau cũng có thể có các khả năng triển khai khác nhau, từ việc tích hợp vào một khóa học có số tín chỉ lớn hơn hiện có hoặc thành một khóa học tín chỉ vi mô riêng biệt, như một khóa học bắt buộc hoặc tự chọn, được giảng dạy cho sinh viên Cử nhân hoặc Thạc sĩ.

Do tính phức tạp của các vấn đề mà chính quyền thành phố đang phải đối mặt và nhu cầu đa dạng của người dân, việc tập trung vào sinh viên trình độ cao ở bậc thạc sĩ là hợp lý. Những sinh viên này thường có chuyên môn sâu hơn về các môn học và được trang bị tốt hơn để giải quyết những thách thức phức tạp.

Giờ làm việc của sinh viên trong một đơn vị khóa học được phân loại thành giờ học trực tiếp và giờ tự học. Một đơn vị khóa học có thể có 14 giờ được phân bổ cho giờ học trực tiếp (bài giảng/buổi hội thảo/buổi thực hành/phòng thí nghiệm) [phạm vi giờ học trực tiếp là 35%], sau đó 40 giờ được phân bổ cho giờ tự học (Bảng 2). Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo khác nhau cũng có thể có sự phân bổ giờ làm việc khác nhau cho sinh viên.

Bảng 2

Khối lượng công việc của sinh viên (ví dụ về phân bổ giờ làm việc)

The structure	Contact work hours	Self-study hours
Introduction to the course (aim, objectives, content, assessment strategy, resources)	2	
Theoretical part (Municipality's policy context / The concept of citizen engagement (levels, forms, and methods; issues, guidelines) / Participatory tools <i>NB The material for a theoretical input can be found in the document titled Active Participation Tools: A Handbook for Civic Engagement Facilitators</i>	6 (lectures/seminars/ workshops/labs)	6
Practical part Challenge introduction – municipality case Engagement emerges in practice: participatory action research (project), including using participatory tools – independent student work	4 (consultations)	30
Presentation of participatory action research (project)	2	4
In total:	14	40
	54	

5. Cấu trúc của khóa học

Giờ học của sinh viên trong một đơn vị học phần được chia thành giờ học trực tiếp và giờ tự học (Bảng 2). Giờ học trực tiếp bao gồm các hoạt động do giảng viên hướng dẫn, bao gồm bài giảng, hội thảo, workshop, phòng thí nghiệm, bài tập thực hành, kiểm tra kiến thức, tư vấn, v.v. Việc học trực tiếp cũng có thể được thực hiện từ xa bằng các công cụ học tập điện tử.

Giờ tự học được dành cho việc tự nghiên cứu tài liệu bổ sung và hoàn thành các nhiệm vụ sáng tạo. Sinh viên được cung cấp nội dung lý thuyết chuyên sâu, cùng với bộ tài liệu, mẫu và công cụ toàn diện để học tập sâu hơn và mở rộng kiến thức. Trong hầu hết các nhiệm vụ cá nhân, sinh viên khám phá các chủ đề hoặc quy trình mà mình quan tâm. Bằng cách chuẩn bị và trình bày kết quả của các nhiệm vụ này, sinh viên đóng góp vào việc phát triển nội dung khóa học thông qua việc chia sẻ kiến thức chuyên ngành.

Điểm cốt lõi của việc giảng dạy môn học là sự kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết và ứng dụng thực tiễn. Vì vậy, khóa học được chia thành hai phần chính. Phần đầu tiên - lý thuyết - là phần giới thiệu cho sinh viên về cách triển khai khóa học, tiếp thu kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc tham gia vào các hoạt động xã hội, phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Trong các bài giảng, sinh viên sẽ tiếp thu kiến thức lý thuyết cơ bản và hiểu được tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Trong các buổi hội thảo/buổi tập huấn/thí nghiệm/tham vấn, sinh viên thực hiện các nhiệm vụ khác nhau như thảo luận về các chủ đề/tìm kiếm thông tin và phân tích các tình huống do giảng viên chuẩn bị. Phần thứ hai - phần thực hành nhằm mục đích triển khai các dự án nghiên cứu có sự tham gia của sinh viên. Sau khi tiếp nhận bài học, sinh viên bắt đầu quá trình xác định khía cạnh

nào của chính sách tham gia hoặc môi trường xây dựng mà họ muốn điều tra. Việc nhóm sinh viên cho nhiệm vụ tại chỗ (nghiên cứu/dự án có sự tham gia) dựa trên sở thích của họ. Nhóm thường bao gồm 3-5 người. Trong quá trình nghiên cứu hành động có sự tham gia (dự án), sinh viên có cơ hội sử dụng kiến thức đã học vào thực tế. Các giờ làm việc độc lập được dành riêng cho việc áp dụng các công cụ đã chọn để tạo ra một phương pháp tiếp cận có sự tham gia, để triển khai dự án. Mỗi dự án sẽ có một kịch bản được chuẩn bị sẵn - một nghiên cứu điển hình - để giải quyết. Cũng có các giờ tư vấn được lên kế hoạch để giảng viên thảo luận về các vấn đề của dự án, chỉ ra các quy tắc áp dụng và các mục tiêu cần đạt được. Phần cuối cùng sẽ là trình bày kết quả với mô tả chi tiết về cách đạt được chúng (báo cáo). In addition, the municipality's characteristics, Ngoài ra, các đặc điểm và bối cảnh chính sách của đô thị cũng được giới thiệu cho sinh viên (xem tài liệu có tiêu đề "Hướng dẫn và Khuyến nghị Chính sách"). Thông qua các công cụ trao quyền cho cộng đồng, sinh viên vận động cải thiện (xem tài liệu có tiêu đề "Công cụ Tham gia Chủ động: Sổ tay dành cho Người hướng dẫn Tham gia Cộng đồng"). Những nỗ lực của các sinh viên bao gồm: xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch làm việc, xác định các vấn đề phát sinh từ môi trường xây dựng và/hoặc các chính sách quản lý cộng đồng (thu thập dữ liệu), tìm kiếm giải pháp và đề xuất cải thiện, trình bày tầm nhìn (giải pháp) của mình với người ra quyết định tại địa phương và công chúng, suy ngẫm về các bước tiếp theo dựa trên những thành công và thách thức.

Nhìn chung, chương trình giảng dạy mang đến cho sinh viên những cơ hội độc đáo để tìm hiểu về cộng đồng của mình và tương tác với những người ra quyết định. Chương trình trao quyền cho người trẻ đảm nhận vai trò lãnh đạo trong cộng đồng, đưa ra các đề xuất và lộ trình để tác động đến chính sách và điều kiện môi trường.

6. Vai trò của giảng viên

Vai trò của các nhà giáo dục không chỉ gói gọn trong việc truyền đạt kiến thức. Họ rất coi trọng một nền văn hóa giảng dạy cởi mở và tương tác, trong đó sự trao đổi giữa giáo viên và sinh viên, cũng như giữa các sinh viên với nhau, được thúc đẩy. Giảng viên khuyến khích sự tham gia tích cực vào quá trình học tập và tạo ra một môi trường hỗ trợ, nơi các câu hỏi có thể được đặt ra một cách cởi mở, các ý tưởng được thảo luận và các giải pháp được cùng nhau tìm ra. Sinh viên được hỗ trợ để trở thành chủ thể tích cực trong việc định hình nền giáo dục của mình, thúc đẩy các phương pháp khám phá bằng cách xây dựng dựa trên kiến thức hiện có (Sernbo và cộng sự, 2024). Do đó, giảng viên đóng vai trò là người cố vấn và huấn luyện viên, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển cá nhân của sinh viên. Họ khuyến khích tư duy phản biện, sáng tạo, độc lập và chủ động, đồng thời khuyến khích sinh viên phát huy hết tiềm năng của mình (xem tài liệu có tiêu đề "Các công cụ tham gia tích cực: Sổ tay dành cho các nhà điều phối hoạt động cộng đồng"). Điều này đòi hỏi sự kiềm chế đáng kể và hướng dẫn sáng tạo từ phía nhà giáo dục để sinh viên có thể hoạt động với sự chủ động và tự do.

Phương pháp sư phạm đồng kiến tạo (Mathieson, S., 2014) là khát vọng giảng dạy bao trùm trong việc thiết kế khóa học, vì nó dựa trên sự tương tác giữa nhà giáo dục, sinh viên và đại diện của chính quyền thành phố. Giảng viên

chịu trách nhiệm sắp xếp với đại diện của chính quyền thành phố/người ra quyết định, những người khuyến khích và ủng hộ sự tham gia của sinh viên; cấp phép rõ ràng cho việc thực hiện dự án quy hoạch hoặc thiết kế, và tư vấn trong suốt quá trình (nếu cần). Ngoài ra, các mục tiêu phải được thống nhất một cách nhất quán để các mối quan hệ đối tác mang lại lợi ích cho tất cả các bên. Cuối cùng, lãnh đạo thành phố là người đưa ra quyết định cuối cùng – không có gì đảm bảo rằng ý tưởng của sinh viên sẽ được thực hiện. Điều này đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải thừa nhận rằng sự hòa nhập có chủ đích là rất quan trọng để mối quan hệ đối tác thực sự phát triển.

Phương pháp tiếp cận lấy sinh viên làm trung tâm được áp dụng trong quá trình học tập. Để tạo động lực và thu hút sinh viên tham gia hiệu quả vào quá trình học tập, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến việc tạo điều kiện cho sinh viên tham gia. Nhiều phương pháp học tập khác nhau được sử dụng: bài giảng bao quát, thảo luận, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, động não, v.v. Trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ, sinh viên có thể hợp tác và thảo luận để lựa chọn giải pháp phù hợp. Trong quá trình thảo luận, sinh viên có được khả năng chia sẻ kiến thức, thảo luận mang tính xây dựng và phản hồi các ý kiến đóng góp.

Bảng 3 cung cấp danh sách các bài giảng và hội thảo có thể tổ chức. Tất cả các tài liệu được tạo cho khóa học (kế hoạch bài giảng, kịch bản hội thảo) đều có trong tài liệu có tiêu đề "Công cụ Tham gia Tích cực: Sổ tay dành cho Điều phối viên Tham gia Cộng đồng".

Bảng 3 Các chủ đề có thể được lựa chọn và các phương pháp áp dụng trong giờ tiếp xúc

	TOPICS	Methods
LECTURES	Participation for societal engagement	Oral/ online lecture, participation game or case analysis, discussion, reflection, self-check tests
	The involvement of citizens in the municipalities' development – the case of revitalisation	Oral/ online lecture, participation game or case analysis, discussion, reflection, self-check tests
	Participation in practice – study case, tools, and methods	Oral/ online lecture, PPT presentation, Q&A, discussion
	Embracing Resilience: Innovating Participatory Methods in the Post-COVID Era	Oral/ online lecture, case analysis, discussion, reflection, Q&A,
	Beyond the canvas: First steps first on the path to innovation success	Oral/ online lecture, case analysis, discussion, reflection, Q&A,
	Participation Toolbox for Territorial Regeneration: The Case of Montagna Prossima	Oral/ online lecture, case analysis, discussion, reflection, Q&A,
SEMINARS / WORKSHOPS / LABS	Civic Engagement – how to identify target groups of stakeholders in social processes	Lecture, case studies, Q&A, mapping of stakeholders, discussion
	Non-governmental organisations as mediators in civic participation processes	Lecture, case studies, Q&A, mapping of relationships and activities supporting the process of social participation, discussion
	Ethics, responsibility, social inclusion in decision-making processes	Lecture, case studies, Q&A, mapping challenges and opportunities, discussion
	Young people as co-creators of Smart Cities	Lecture, case studies, Q&A, active observation (a research walk), discussion
	Building a city's resilience to crises with the involvement of the local community	Lecture, case studies, Q&A, brainstorming to generate ideas for building urban resilience through youth engagement, discussion
	Revitalisation of degraded and abandoned urban areas through a participatory approach	Lecture, case studies, Q&A, prototyping, discussion
	A city accessible to users of public spaces with special needs	Lecture, case studies, Q&A, creating an empathy map for persons with special needs, discussion
	Intergenerational cooperation in participatory activities	Lecture, case studies, discussion, Q&A, storytelling exercise



Khóa học bao gồm các phương pháp học tập dựa trên dự án (PBL) và tư duy thiết kế.

Học tập dựa trên dự án (PBL)

là một phương pháp học tập sử dụng các quy trình nghiên cứu lấy người học làm trung tâm để tạo ra một sản phẩm có kết nối và ứng dụng trong thế giới thực. Về cơ bản, PBL bao gồm một nhiệm vụ phức tạp dựa trên các câu hỏi hoặc vấn đề mang tính thách thức, trong đó người học tham gia vào việc thiết kế, giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định và nghiên cứu

PBL hỗ trợ lý thuyết học tập kiến tạo bằng cách hỗ trợ người học phát triển khả năng hiểu sâu sắc thông qua việc khám phá (Saad & Zainudin, 2024). Thay vì bắt người học ghi nhớ thông tin mới, phương pháp này khuyến khích người học phát triển và phân tích thông tin. Kiến thức được tạo ra bởi chính người học thông qua sự tham gia tích cực vào quá trình dạy và học.

Phương pháp PBL giúp giảm gánh nặng nhận thức của người học và cải thiện thành tích học tập. Khi cùng nhau thực hiện một dự án, người học làm việc theo nhóm để trao đổi kiến thức, truyền cảm hứng cho nhau, phản hồi phản hồi của nhau, hỗ trợ hiểu biết và học hỏi lẫn nhau. Hoạt động nhóm cũng có tác động tích cực đến lòng tự trọng của người học.

Học tập dựa trên dự án (PBL) gần đây đã trở nên phổ biến như một chiến lược giáo dục thúc đẩy sự quan tâm và phát triển nhận thức của sinh viên (Pan và cộng sự, 2022). Chiu (2020) cho rằng PBL có thể nâng cao khả năng tư duy bậc cao hơn là kiến thức thực tế. Hơn nữa, như Deep và cộng sự (2019) thừa nhận, thậm chí 13 kỹ năng mềm có thể được phát triển và nuôi dưỡng thông qua phương pháp PBL, đó là kỹ năng xã hội, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý cảm xúc, đạo đức và luân lý, giao tiếp, học tập liên tục, lãnh đạo, quản lý khủng hoảng, tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, quản lý thông tin và tinh thần kinh doanh. Sinh viên sử dụng hai kỹ năng quan trọng của thế kỷ 21 khi tham gia PBL, đó là kỹ năng học tập và đổi mới (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, hợp tác, sáng tạo và đổi mới), cũng như kỹ năng hiểu biết về kỹ thuật số (hiểu biết thông tin, hiểu biết về phương tiện truyền thông, thông tin và giao tiếp) (Vo-inohovska và cộng sự, 2019).

Việc biến sinh viên thành những người chủ động tìm kiếm kiến thức và những người học trải nghiệm, được thúc đẩy bởi động lực và giá trị, đòi hỏi các em phải có mức độ tham gia cao và nỗ lực hơn nữa (Bratianu và cộng sự, 2020). Tư duy thiết kế là một phương pháp cốt lõi trong suốt quá trình nghiên cứu có sự tham gia.

Linda Naiman đã đưa ra một định nghĩa toàn diện và hay về tư duy thiết kế:

“Tư duy thiết kế là một chu trình phi tuyến tính lặp đi lặp lại, bao gồm việc phát triển sự hiểu biết sâu sắc về những nhu cầu chưa được đáp ứng của khách hàng hoặc người dùng trong bối cảnh của một tình huống cụ thể, hiểu dữ liệu và khám phá những hiểu biết sâu sắc, đặt câu hỏi về các giả định, khám phá các góc nhìn khác nhau, định hình lại vấn đề thành cơ hội, tạo ra những ý tưởng sáng tạo, phê bình và lựa chọn ý tưởng, thử nghiệm thông qua tạo mẫu và thực nghiệm, tinh chỉnh giải pháp và cuối cùng là triển khai sự đổi mới của bạn”.¹

Phương pháp tư duy thiết kế

Quy trình tư duy thiết kế đòi hỏi sự hợp tác toàn diện với người dùng cuối – từ giai đoạn nghiên cứu, cho phép hiểu rõ nhu cầu của mọi người, đến việc thử nghiệm và phản hồi các giải pháp được thiết kế bởi họ. Công việc diễn ra trong các nhóm liên ngành, sử dụng phương pháp hội thảo, và các giải pháp được phát minh cuối cùng sẽ được thử nghiệm và cải tiến. Tư duy thiết kế là một quy trình làm việc nhóm, đồng thiết kế các giải pháp, không cần phải tuân theo ý tưởng của một cá nhân. Đó là một tập hợp các nguyên tắc, bắt nguồn từ thực tiễn của các nhà thiết kế, giờ đây có thể được áp dụng trong nhiều lĩnh vực hoạt động của con người – trong thiết kế sản phẩm, quy trình và dịch vụ, mà còn trong thay đổi xã hội.

Tư duy thiết kế đặc biệt có giá trị trong việc thấu hiểu nhu cầu của con người. Rodriguez và Jacoby chỉ ra rằng việc tìm kiếm sự đổi mới toàn diện thông qua thiết kế là cách tốt nhất để các công ty được bảo vệ khỏi những “thiên nga đen” (Jacoby và Rodriguez, 2007). Khái niệm này cũng áp dụng cho các thành phố và cuộc sống của người dân, đặc biệt là ở những khu vực bị bỏ hoang.

Tuy nhiên, thuật ngữ “thiết kế” cần được hiểu như một quá trình, phù hợp với khái niệm của Hội đồng Thiết kế, định nghĩa “thiết kế” là một tập hợp các kỹ năng và tư duy kết hợp tư duy phản biện với sự sáng tạo.

¹ Linda Naiman, Tư duy thiết kế như một chiến lược đổi mới <https://www.creativityatwork.com/design-thinking-strategy-for-innovation/>



7. Chiến lược đánh giá

Để đảm bảo sự tham gia tích cực của sinh viên và khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành, phương pháp đánh giá tích lũy sẽ được áp dụng. Quy trình này đảm bảo sinh viên được đánh giá quá trình trong suốt khóa học, với một bài đánh giá tổng kết được thực hiện vào cuối khóa học. Điểm tích lũy được tính bằng điểm trung bình của điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá tổng kết cuối khóa. Các loại và trọng số (theo tỷ lệ phần trăm) của các bài đánh giá quá trình được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4

Các yếu tố đánh giá

Assessment's elements	Weighting percentage	Period or date of assessment	Assessment criteria
Active participation during lectures/seminars/workshops/Labs	20	After lecture/seminar/workshops (theoretical input)	During contact hours, students are expected to participate actively by preparing for discussions, analyzing cases, and asking and answering questions. This active participation is acknowledged and encouraged through points, which contribute to the summative grade. Active participation may also be assessed according to criteria established by the lecturer for specific activities. After each lecture, students may also complete a self-check test prepared by the lecturer to ensure that the main concepts have been understood. These tests may include closed-ended and/or open-ended questions
Presentation of participatory research (project)	70	During the session	Students prepare a presentation of their project, covering its essential aspects: relevance and aim, objectives, methods and process (stages), as well as results and recommendations. Assessment is conducted using a rubric-based approach. The suggested duration of each presentation is 20–30 minutes.
Reflection	10	To be collected during the semester	Students reflect on their entire learning experience, identifying personal strengths and challenges encountered. Reflection is conducted through four types: reflection-before-action, reflection-in-action, reflection-on-action, and reflection-beyond-action. Reflections are to be submitted in written form.

Phần lớn thời gian đánh giá cuối kỳ (70%) được dành cho phần trình bày dự án nghiên cứu tham gia. Điều này phản ánh khối lượng công việc đáng kể của sinh viên cho nhiệm vụ này, với khoảng 30/54 giờ học dành cho dự án. Sinh viên được yêu cầu chuẩn bị một bài thuyết trình về dự án của mình, đề cập đến các yếu tố sau:

- » Tính phù hợp của nghiên cứu
- » Mục đích và mục tiêu nghiên cứu
- » Phương pháp nghiên cứu
- » Quy trình nghiên cứu
- » Kết quả nghiên cứu
- » Khuyến nghị



Đánh giá dựa trên thang điểm được áp dụng để đánh giá bài thuyết trình của sinh viên. Phương pháp này mang lại những lợi ích sau:

- » **Minh bạch** - kỳ vọng và tiêu chí đánh giá được nêu rõ ràng với sinh viên, giúp các em hiểu rõ cách đánh giá bài làm của mình.
- » **Nhất quán và Khách quan** - việc chấm điểm mang tính khách quan, đảm bảo tất cả sinh viên đều được đánh giá theo cùng một tiêu chuẩn
- » **Phản hồi** – sinh viên được cung cấp phản hồi cụ thể, thiết thực, nêu bật điểm mạnh và điểm cần cải thiện.

Các tiêu chí đánh giá được đề xuất được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5 Đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá cho bài thuyết

Criteria	POINTS		
	2 (excellent)	1.5 (needs improvement)	1 (poor)
Formulation of aim, objectives	Clear, achievable	Some statements are questionable	Unclear statements
Accuracy of research	Uses reliable tools, well-researched	Some tools are questionable	No credible tools
Description of process	Clear, well-structured	Some parts are unclear or rushed;	Unclear
Results and recommendations	Clear, well-structured	Some parts are unclear	Unclear
Delivery	Clear, well-structured, highly visually appealing	Some parts unclear or rushed; basic design	Disorganized and unclear; poor visuals



20% bài đánh giá cuối kỳ được dành cho kết quả kiểm tra hoặc các hoạt động khác. Có thể áp dụng đánh giá dựa trên thang điểm. Giảng viên sẽ quyết định nội dung và hình thức của các bài đánh giá này.

Sinh viên cũng được khuyến khích suy ngẫm về trải nghiệm của mình. Suy ngẫm là một yếu tố nữa của điểm cuối kỳ với trọng số 10% (Bảng 6). Suy ngẫm, hay khả năng nhìn nhận trải nghiệm của bản thân một cách phê phán, phân tích và khách quan như thể nhìn từ bên ngoài, là một phẩm chất không thể tách rời của năng lực chuyên môn trong bất kỳ hoạt động chuyên môn nào. Suy ngẫm hỗ trợ cho việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định, cũng như cải thiện hiệu quả giao tiếp với khách hàng hoặc đồng nghiệp (Adams và cộng sự, 2016). Trong suốt khóa học, sinh viên được tham gia vào một quá trình suy ngẫm liên tục. Do đó, sinh viên kết hợp việc học trên lớp với làm việc độc lập, việc suy ngẫm giúp họ không quên ý tưởng thiết kế, bản chất và dòng chảy của các nguyên tắc của quy trình tư duy thiết kế, tập trung vào các hoạt động và suy nghĩ lại chúng bằng cách liên tục quay lại với chúng trong quá trình suy ngẫm

Đối với giảng viên dẫn dắt khóa học, việc nắm bắt được động lực của nhóm, nắm bắt tâm trạng của cả nhóm và xử lý kịp thời mọi bất ổn hoặc thậm chí là vấn đề phát sinh sẽ giúp ích rất nhiều. Điều này giúp tập trung hơn vào quá trình học tập và phân tích sâu hơn về kinh nghiệm, hiểu biết và kết luận để triển khai khóa học toàn diện hơn và phát triển chuyên môn. Khung khái niệm về phản ánh bao gồm bốn thành phần bốn chiều: phản ánh trước hành

động, phản ánh trong hành động, phản ánh về hành động và phản ánh vượt ra ngoài hành động. Phản ánh trước hành động khuyến khích người học phản ánh trước khi tham gia vào các bài tập thực hành. Phản ánh về hành động thường bao gồm các nhiệm vụ phản ánh, trong đó người học kể lại trải nghiệm của mình bằng cách 'tái cấu trúc' chúng sau khi sự việc đã xảy ra, thay vì 'xây dựng' ý nghĩa tại thời điểm đó. Ngược lại, phản ánh trong hành động cho phép người học chủ động 'xây dựng' hoạt động thực hành của mình khi nó diễn ra, nâng cao khả năng ra quyết định theo thời gian thực. Trong khi đó, phản ánh vượt ra ngoài hành động giúp người học kết nối kinh nghiệm quá khứ và hiện tại để định hướng và cung cấp thông tin cho các hành động trong tương lai (Edwards, 2017).

Khung chiến lược đánh giá được xây dựng từ quan điểm người học phải trải qua một quá trình học tập mang tính chuyển đổi. Học tập mang tính chuyển đổi trong nghiên cứu này được hiểu là 'một quá trình mà qua đó các giá trị, niềm tin, giá trị và quan điểm trước đây được tiếp thu một cách thiếu phê phán được đặt câu hỏi và do đó trở nên cởi mở hơn, dễ tiếp thu hơn và được xác thực hơn'. Quá trình này bắt đầu bằng việc người học nhận thức một cách có ý thức về quan điểm ý nghĩa của mình (Fritz & Marchewka, 2024). Sau đó, thông qua nghiên cứu và phản ánh có sự tham gia, người học có tiềm năng phát triển tư duy và năng lực

Cần lưu ý rằng trọng số của các thành phần đánh giá và các yếu tố đánh giá cụ thể có thể thay đổi tùy theo loại khóa học và được xác định theo quy định thi cử của từng tổ chức.

Tài liệu tham khảo

Adams C. L., D. Nestel, and P. Wolf (2006). Reflection: a critical proficiency essential to the effective development of a high competence in communication," *Journal of Veterinary Medical Education*, 33 (1): 58-64.

Arnstein, Sh. R. (1969). A Ladder of Citizen Participation. *Journal of the American Institute of Planners*, 35 (4), 216-224. DOI: 10.1080/01944366908977225

Bensus, V. (2021). Improving local governance with citizen engagement? *City*, 25 (1-2), 88-107. DOI: 10.1080/13604813.2021.1885913

Bratianu, C., Hadad, Sh., and Bejinaru, R. (2020). Paradigm Shift in Business Education: A Competence-Based Approach. *Sustainability*, 12, 1348; doi:10.3390/su12041348

Botchwey, N.D., Johnson, N., O'Connell, L.K., and Kim, A.J. (2019). Including Youth in the Lander of Citizen Participation. *Journal of the American Planning Association*, 85 (3): 255 – 270. DOI: 10.1080/01944363.2019.1616319

Buckwalter, N. D. (2014). The Potential for Public Empowerment through Government-Organized Participation. *Public Administration Review*, 74, 573-584. <https://doi.org/10.1111/puar.12217>

Chiu, C. F. (2020). Facilitating K-12 teachers in creating apps by visual programming and project-based learning. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (Ijet)*, 15(01), 103. <https://doi.org/10.3991/ijet.v15i01.11013>

Deep, S., Salleh, B. M., & Othman, H. (2019). Improving the soft skills of engineering undergraduates in Malaysia through problem-based approaches and e-learning applications. *Higher Education, Skills and Work-Based Learning*, 9(4), 662-676. <http://doi.org/10.1108/HESWBL-07-2018-0072>

Edwards, Sh. (2017). Reflecting differently. New dimensions: reflection-before-action and reflection-beyond-action. *International Practice Development Journal*, 7 (1): 1-14.

Fritz, R., and Marchewka M. (2024) Transformative learning: Investigating perspective changes towards developing global human resources in a virtual exchange project. *Innovations in Education and Teaching International*, 61(2): 370-384, DOI: 10.1080/14703297.2022.2163277

Hahn, M.B., Kemp, C., Ward-Waller, Ch., Donovan, Sh., Schmidt, J. I., & Bauer, S. (2020) Collaborative climate mitigation and adaptation planning with university, community, and municipal partners: a case study in Anchorage, Alaska. *Local Environment*, 25 (9), 648-665. DOI: 10.1080/13549839.2020.1811655

Ianniello, M., Iacuzzi, S., Fedele, P., & Brusati, L (2019). Obstacles and solutions on the ladder of citizen participation: a systematic review. *Public Management Review*, 21 (1), 21-46. DOI:

10.1080/14719037.2018.1438499

Jacoby, R., & Rodriguez, D. (2007). Innovation, growth, and getting to where you want to go. *Design Management Review*, 18(1), 10.

Lappas, G., Triantafillidou, A. & Kani, A. (2022). Harnessing the power of dialogue: examining the impact of facebook content on citizens' engagement. *Local Government Studies*, 48 (1), 87-106. DOI: 10.1080/03003930.2020.1870958

Maistry, M., & Thakrar, J. (2012). Educating students for effective community engagement: student perspectives on curriculum imperatives for universities in South Africa. *South African Review of Sociology*, 43 (2), 58-75. DOI: 10.1080/21528586.2012.694243

Mbah, M. (2019). Can local knowledge make the difference? Rethinking universities' community engagement and prospect for sustainable community development. *The Journal of Environmental Education*, 50 (1), 11-22. DOI: 10.1080/00958964.2018.1462136

Mathieson, S. (2014). Student Learning. In H. Fry, S. Ketteridge, & S. Marshall, *A handbook for teaching and learning in higher education. Enhancing academic practice* (3rd ed.). Routledge.

Pan, H. W., Chen, N., and Wiens, P. D. (2022). Teacher professional development and practice of project-based learning in Taiwan: The moderating effect of self-efficacy. *Asia Pacific Journal of Education*. <https://doi.org/10.1080/02188791.2022.2114423>

Saad, A., and Zainudin, S. (2024). A review of teaching and learning approach in implementing Project-Based Learning (PBL) with Computational Thinking (CT). *Interactive Learning Environments*, 32 (10), 7622-7646, DOI: 10.1080/10494820.2024.2328280

Sernbo, E., Sjöström, M., and Rademaker, A. L. (2024) Developing international virtual student exchange to enhance theory-practice transfer. *Social Work Education*, 43(4): 1110-1122. DOI: 10.1080/02615479.2023.2167199

Training tools for curriculum development: a resource pack. (2018). UNESCO International Bureau of Education. Training tools for curriculum development: a resource pack - UNESCO Digital Library

Voinohovska, V., Tsankov, S., & Goranova, E. (2019). Development of the students' Computational Thinking skills with Project-Based Learning in scratch programming environment, 5254-5261. <https://doi.org/10.21125/inted.2019.1309>

Woronkowicz, J. (2018). Community Engagement and Cultural Building Projects. *The Journal of Arts Management, Law, and Society*, 48 (1), 32-43. DOI: 10.1080/10632921.2017.1366962

Yet, M., Manuel, P., DeVidi, M. & MacDonald, B. H. (2022). Learning from Experience: Lessons from Community-based Engagement for Improving Participatory Marine Spatial Planning. *Planning Practice & Research*, 37 (2), 189-212. DOI: 10.1080/02697459.2021.2017101



2025